

Bản án số: 20/2023/DS-ST

Ngày: 22/5/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng  
họ và vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Đại Hải

- Ông Nguyễn Nam Lương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa:* Bà Ngô Thị Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 237/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng họ và vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2023, Thông báo hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Xuân C, sinh năm: 1967; Nơi cư trú: 84 HVT, tổ dân phố LH, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Bị đơn:* Bà Trần Thị Thúy H, sinh năm: 1984; Hộ khẩu thường trú: 78 đường X, tổ dân phố TP, phường CT, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

*Đại diện hợp pháp:* Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: 18 NLB, tổ dân phố PT, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa – Là đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 1987, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/4/2023 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Thành Quốc, tỉnh An Giang. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

*Người làm chứng:*

- Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Tổ dân phố LV, phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

- Bà Đoàn Thị Thanh T, sinh năm: 1974; Nơi cư trú: Tổ dân phố LT,

phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Từ khoảng đầu năm 2018 đến đầu năm 2020, bà có cho bà H vay tiền nhiều lần để làm ăn, đồng thời bà H cũng tham gia chơi huê do bà làm chủ và bà cũng có tham gia chơi huê do bà H làm chủ, cụ thể như sau:

- Đối với việc vay tiền, năm 2018, bà có cho bà H vay tổng số tiền 420.000.000 đồng, viết giấy tay, lãi suất tự thỏa thuận là 2%/tháng, gồm:

+ Ngày 21/5/2018 (tức ngày 07/4/2018 âm lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 07/9/2018 âm lịch;

+ Ngày 03/7/2018 (tức ngày 20/5/2018 âm lịch), vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng;

+ Ngày 09/10/2018 (tức ngày 01/9/2018 âm lịch), vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, đến ngày 10/9/2018 âm lịch;

+ Ngày 29/10/2018 (tức ngày 21/9/2018 âm lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 25/9/2018 âm lịch.

Đến thời hạn trả gốc, bà H xin thời gian thu xếp, nhưng nhiều lần hẹn không trả, chỉ trả tiền lãi đến hết tháng 12/2019 âm lịch.

- Đối với việc chơi huê, từ năm 2018 đến 2019, bà H làm chủ huê 2.000.000 đồng/tháng và nguyên đơn có chơi 04 phần, tiền lời mỗi phần 400.000 đồng, cả 04 phần huê đều chưa hốt, tổng cộng là 96.000.000 đồng, cụ thể:

+ Phần 1: đóng ngày 14/10/2018 (tức ngày 06/9/2018 âm lịch) đến ngày 30/01/2020 là 17 tháng, số tiền đóng là  $1.600.000 \times 17 \text{ tháng} = 27.200.000$  đồng;

+ Phần 2: đóng ngày 23/10/2018 (tức ngày 06/9/2018 âm lịch) đến ngày 30/01/2020 là 17 tháng, số tiền đóng là  $1.600.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} = 27.200.000$  đồng;

+ Phần 3, 4: đóng ngày 24/02/2019 (tức ngày 20/01/2019 âm lịch) đến ngày 13/02/2020 là 13 tháng, số tiền đóng là  $1.600.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ tháng} \times 2 \text{ phần} = 41.600.000$  đồng.

- Đối với việc chơi huê, từ năm 2018 đến năm 2020 âm lịch, bà C làm chủ huê, bà H tham gia chơi 04 phần, bà H đã nhận tiền tất cả các phần huê và còn nợ lại tổng cộng 440.000.000 đồng tiền huê chết, cụ thể:

+ Phần 1: Từ ngày 20/01/2019 (tức ngày 15/12/2018 âm lịch) đến ngày 08/3/2020, đây huê gồm 15 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/tháng. Ngày 10/12/2019, bà H hốt huê và nhờ bà Phạm Thị Thu T lấy dùm, nhận 75.400.000 đồng và đóng huê đến tháng 01/2020 được 13 phần, còn lại vay của bà C 2 tháng để đóng huê chết, nợ  $10.000.000 \times 2 \text{ tháng} = 20.000.000$  đồng.

+ Phần 2: Từ ngày 14/5/2019 (tức ngày 10/4/2018 âm lịch) đến ngày 30/6/2020, dây huê gồm 15 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/tháng. Ngày 17/6/2019, bà H hốt huê, nhận 114.900.000 đồng và đóng huê đến tháng 01/2020 được 09 phần, còn lại vay của bà C 6 tháng để đóng huê chêt, nợ  $10.000.000 \times 6 \text{ tháng} = 60.000.000$  đồng.

+ Phần 3: Từ ngày 14/5/2019 (tức ngày 10/4/2019 âm lịch) đến ngày 30/6/2020, dây huê gồm 15 phần, mỗi phần đóng 20.000.000 đồng/tháng. Ngày 18/8/2019, bà H hốt huê và nhờ bà Phạm Thị Thu T lấy dùm, nhận 75.400.000 đồng và đóng huê đến tháng 01/2020 được 09 phần, còn lại vay của bà C 6 tháng để đóng huê chêt, nợ  $20.000.000 \times 6 \text{ tháng} = 120.000.000$  đồng.

+ Phần 4: Từ ngày 04/9/2019 (tức ngày 06/8/2018 âm lịch) đến ngày 19/12/2020, dây huê gồm 17 phần, mỗi phần đóng 10.000.000 đồng/tháng, bà H chơi 02 phần. Ngày 04/9/2019, bà H hốt 01 phần huê và nhờ bà Đoàn Thị Thanh T lấy dùm, nhận 127.000.000 đồng. Ngày 01/12/2019, bà H hốt 01 phần huê, nhận 124.500.000 đồng. Bà H đóng huê đến tháng 01/2020 được 05 phần, còn lại vay của bà C 12 tháng để đóng huê chêt, nợ  $10.000.000 \times 02 \text{ phần} \times 12 \text{ tháng} = 240.000.000$  đồng.

Tổng cộng nguyên đơn yêu cầu bà H trả số tiền còn nợ họ (huê) và vay của bà C là 956.000.000 đồng và tiền lãi 125.580.000 đồng với lãi suất 0.5%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2023, nguyên đơn bổ sung, thay đổi và rút một số yêu cầu khởi kiện như sau:

- Về hợp đồng vay tiền: Trong quá trình thực hiện các hợp đồng vay tiền, bà H đều trả bà với lãi suất 2%/tháng thực hiện đến tháng 12/2019 âm lịch, tức tháng 01/2020. Sau khi ngòì tính toán lại thì nguyên đơn thấy phần lãi suất đã thu trong thời gian trên là không vượt quá tính theo quy định pháp luật là 20%/năm (tron hạn) và 30% /năm (lãi suất quá hạn). Từ kỳ tính lãi 01/2020 trở đi thì bà H không tiếp tục trả lãi theo thỏa thuận nên bà đồng ý tính lại lãi suất trong hạn 10%/năm, lãi suất quá hạn 15%/năm. Về số tiền cụ thể nguyên đơn tính theo 04 bản kê cho Tòa án tính đến ngày xét xử. Như vậy nguyên đơn tính toán lại yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Khoản vay ngày 21/5/2018 (tức ngày 07/4/2018 âm lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 07/9/2018 âm lịch: tiền lãi tạm tính đến ngày 22/5/2023 là 50.000.000 đồng. Tổng cộng: 150.000.000 đồng.

+ Ngày 03/7/2018 (tức ngày 20/5/2018 âm lịch), vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng: tiền lãi tạm tính đến ngày 22/5/2023 (*tính tròn 3 năm 4 tháng rưỡi*) là 35.437.500 đồng. Tổng cộng: 105.437.500 đồng

+ Ngày 09/10/2018 (tức ngày 01/9/2018 âm lịch), vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, đến ngày 10/9/2018 âm lịch: tiền lãi tạm tính đến ngày 22/5/2023 (*tính tròn 3 năm 4 tháng*) là 75.000.000 đồng. Tổng cộng: 225.000.000 đồng

+ Ngày 29/10/2018 (tức ngày 21/9/2018 âm lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 25/9/2018 âm lịch: tiền lãi tạm tính đến ngày 22/5/2023 (tính tròn 3 năm 4 tháng rưỡi) là 50.625.000 đồng. Tổng cộng: 150.625.000 đồng.

Như vậy tổng cộng yêu cầu: 631.062.500 đồng, trong đó: Gốc: 420.000.000 đồng, Lãi: 211.062.500 đồng.

- Đối với hợp đồng hộ: Nguyên đơn yêu cầu trả số tiền 170.000.000 đồng như đã xác nhận tại cơ quan công an.

*Dại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:*

Đối với hợp đồng vay: Bị đơn xác định chỉ còn nợ 03 khoản vay gồm: 100.000.000 đồng + 150.000.000 đồng + 100.000.000 đồng = 350.000.000 đồng. Đối với khoản vay 70.000.000 đồng, bị đơn đã trả. Toàn bộ các khoản vay này được nguyên đơn tính lãi 5%/tháng vào năm 2018, tính lãi 7%/tháng vào năm 2019 và tháng 01/2020. Việc nguyên đơn thừa nhận thu lãi 2% từ khi cho vay đến hết tháng 12/2019 âm lịch (tức tháng 01/2020) là vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Do đó, bị đơn đề nghị thối lại phần lãi đã thu vượt quá đến hết tháng 01/2020 và chỉ tính lãi 0.5%/tháng từ tháng 01/2020 theo yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn. Do đó, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với hợp đồng hộ: Bị đơn không đồng ý vì không còn nợ huê, họ gì của nguyên đơn. Số tiền 170.000.000 đồng mà nguyên đơn khởi kiện là tiền nợ của bà Võ Thị Thúy K (đang cư trú ở Mỹ), bà Đoàn Thị Thanh T (trú tại LT, CL, C, Khánh Hòa) và không liên quan đến bị đơn. Do đó, bị đơn không chấp nhận yêu cầu.

*Người làm chứng vắng mặt và không thể hiện ý kiến.*

*Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút;

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Đối với hợp đồng vay, do phần lãi suất đã thu 24%/năm vượt quá mức 20%/năm theo quy định nên khấu trừ phần thu vượt quá là 19.542.290 đồng, chấp nhận một phần tiền gốc 400.457.710 đồng; chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi là 205.390.131 đồng.

Đối với hợp đồng hộ, chấp nhận yêu cầu trên số tiền 170.000.000 đồng

Bị đơn phải nộp án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận, nguyên đơn chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền họ (huê, hụi) và vay, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố C nên việc Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng họ và vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tư cách tố tụng của những người tham gia tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xác định như sau:

[4] Tại đơn khởi kiện được Tòa án thụ lý ngày 08/11/2022, nguyên đơn khởi kiện đối với bà Trần Thị Thúy H, yêu cầu bà H phải trả số tiền đã họ (huê) và vay. Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng bà Đoàn Thị Thanh T và Phạm Thị Thu T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhận tiền huê dùm cho bà H. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định bà Đoàn Thị Thanh T và bà Phạm Thị Thu T chỉ là người làm thuê, xác nhận chỉ nhận dùm và đưa lại cho bà H và không liên quan gì đến giao dịch huê giữa nguyên đơn và bị đơn. Mặt khác, nguyên đơn rút lại chỉ yêu cầu khởi kiện số tiền họ còn nợ theo xác nhận của bị đơn tại biên bản làm việc ngày 11/10/2021 tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an tỉnh Khánh Hòa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách tố tụng của bà Đoàn Thị Thanh T và Phạm Thị Thu T là người làm chứng.

[5] Chồng của bị đơn bà Trần Thị Thúy H là ông Nguyễn Võ Q làm chứng về nơi cư trú của bị đơn, làm cơ sở để Tòa án thực hiện thủ tục tố tụng đối với bị đơn (trước khi bị đơn ủy quyền cho người đại diện thay mặt tham gia tố tụng) và xác nhận không liên quan đến khoản tiền huê và vay tài sản, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Tại phiên tòa, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt (trong đó bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2), người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự và người làm chứng.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện bổ sung lãi suất và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền họ (huê) còn nợ và lãi suất (chỉ yêu cầu trả 170.000.000 đồng tiền huê). Xét phần bổ sung lãi suất đã được thụ lý bổ sung và thông báo cho bị đơn nên hợp lệ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền huê và lãi suất theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[8] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[9] Đối với giao dịch tiền họ (huê): Theo lời khai của các bên và các chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp đã xác định giữa các bên có giao dịch họ (huê) với nhau. Tại Biên bản làm việc tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa vào ngày 11/10/2021, bà H đã thừa nhận “*Đối với việc chơi huê: tôi (H) có tham gia chơi huê do bà C làm chủ huê với khoảng 2 đến 3 dây huê tháng và sau khi hết huê xong thì số tiền tôi (H) chưa đóng cho bà C khoảng 170 triệu đến 180 triệu đồng*”. Do đó, yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền họ (huê) là 170.000.000 đồng của nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận. Bị đơn cho rằng không còn nợ tiền họ của nguyên đơn là mâu thuẫn với lời xác nhận tại biên bản làm việc ngày 11/10/2021 tại Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an tỉnh Khánh Hòa nên không chấp nhận.

[10] Đối với giao dịch vay tiền: Qua các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và xác nhận của bị đơn thể hiện từ khoảng đầu năm 2018 đến đầu năm 2020, bị đơn có vay của nguyên đơn nhiều lần với tổng số tiền 420.000.000 đồng, viết giấy tay, lãi suất thỏa thuận, cụ thể như sau:

[11] Ngày 21/5/2018 (tức ngày 07/4/2018 âm lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 07/9/2018 âm lịch;

[12] Ngày 03/7/2018 (tức ngày 20/5/2018 âm lịch), vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng;

[13] Ngày 09/10/2018 (tức ngày 01/9/2018 âm lịch), vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, đến ngày 10/9/2018 âm lịch;

[14] Ngày 29/10/2018 (tức ngày 21/9/2018 âm lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 25/9/2018 âm lịch.

[15] Đến thời hạn trả gốc, bà H không trả thực hiện theo thỏa thuận, tuy nhiên các bên đều xác định tiền lãi đã trả đến hết tháng 01/2020 (tức tháng 12/2019 âm lịch).

[16] Bị đơn cho rằng đã trả số nợ 70.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 03/7/2018 (tức ngày 20/5/2018 âm lịch) nhưng không cung cấp chứng cứ xác định việc trả nợ nên không chấp nhận.

[17] Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu bị đơn trả nợ. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả toàn bộ khoản nợ gốc 420.000.000 đồng, là hoàn toàn phù hợp quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

[18] Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận giao dịch vay tiền có lãi. Đối với lãi suất các bên đã thực hiện đầy đủ đến tháng 01/2020 và trong quá trình thực hiện không phát sinh tranh chấp nên có cơ sở áp dụng mức lãi suất trong hạn 20%/năm và quá hạn 30%/năm như nguyên đơn trình bày. Và do đó, khoản nợ lãi mà nguyên đơn đã thu của bị đơn 2%/tháng trong thời gian này là không vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự (lãi suất trong

hạn) và khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự (lãi suất quá hạn) theo bảng kê lãi suất của nguyên đơn.

[19] Bị đơn cho rằng phần lãi suất trong thời gian này đã thu là vượt quá quy định là không đúng. Đồng thời, bị đơn còn cho rằng nguyên đơn đã thu lãi suất 5%/tháng trong năm 2018, 7%/tháng từ năm 2019 đến tháng 01/2020 nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận.

[20] Đối với phần lãi suất từ tháng 01/2020 đến nay, Hội đồng xét xử thấy rằng các bên có tranh chấp về lãi suất nên chỉ có cơ sở áp dụng mức lãi suất 10%/năm (đối với lãi suất trong hạn) và 15%/năm (đối với lãi suất quá hạn). Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất. Lãi suất theo tính toán của nguyên đơn tại 04 bảng kê lập ngày 18/5/2023 tính đến ngày xét xử như sau:

[21] Khoản vay ngày 21/5/2018 (tức ngày 07/4/2018 âm lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 07/9/2018 âm lịch: tiền lãi là 50.000.000 đồng.

[22] Ngày 03/7/2018 (tức ngày 20/5/2018 âm lịch), vay số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn vay là 06 tháng: tiền lãi tính đến ngày 22/5/2023 (tính tròn 3 năm 4 tháng rưỡi) là 35.437.500 đồng.

[23] Ngày 09/10/2018 (tức ngày 01/9/2018 âm lịch), vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, đến ngày 10/9/2018 âm lịch: tiền lãi tính đến ngày 22/5/2023 (tính tròn 3 năm 4 tháng) là 75.000.000 đồng.

[24] Ngày 29/10/2018 (tức ngày 21/9/2018 âm lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay đến ngày 25/9/2018 âm lịch: tiền lãi tính đến ngày 22/5/2023 (tính tròn 3 năm 4 tháng rưỡi) là 50.625.000 đồng.

[25] Xét các yêu cầu về các khoản lãi suất này là phù hợp, nên chấp nhận. Tổng số tiền lãi bị đơn phải trả là: 211.062.500 đồng.

[26] Tổng số nợ bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 170.000.000 đồng + 420.000.000 đồng + 211.062.500 đồng = 801.062.500 đồng

[27] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

#### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 463, 466, 468, 470 và 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bao gồm các yêu cầu khởi kiện như sau: Phần yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng hộ (huê) 366.000.000 đồng và lãi suất là 56.280.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Thúy H phải trả cho bà Nguyễn Thị Xuân C số tiền là 801.062.500 đồng (*Bằng chữ: Tám trăm lẻ một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, năm trăm đồng*), trong đó bao gồm: 170.000.000 đồng tiền nợ hợp đồng hộ; 420.000.000 đồng nợ gốc tiền vay và 211.062.500 đồng nợ lãi tiền vay.

3. Án phí:

- Bà Trần Thị Thúy H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 36.042.500 đồng (*Ba mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Xuân C tạm ứng án phí là 22.224.000 đồng (*Hai mươi hai triệu hai trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000277 ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

4. Quy định:

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Xuân C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trần Thị Thúy H không thi hành khoản tiền phải trả thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hiếu



